TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **138/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2023
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2023/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Văn H, sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thới Lợi 1, xã T, huyện B, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Phan Thị N, sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thới Lợi 1, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/10/2023, bản tự khai đề ngày 02/11/2023, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày như sau:

Ông và bà Phan Thị N kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 04 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cải vã, không

hợp nhau và vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với bà Phan Thị N.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Trần Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (Hòa giải, xét xử) đề ngày 02/11/2023.

∗ Tại bản tự khai, biên bản hòa giải đề ngày 02/11/2023, bị đơn bà Phan Thị N trình bày như sau:

Bà và ông H kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 04 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu, hay đe dọa bà và có người khác. Ông H là người có lỗi, bà không có lỗi nên bà không đồng ý ly hôn theo đơn ly hôn của ông H, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà Phan Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (Hòa giải, xét xử) đề ngày 02/11/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn ông Trần Văn H và bà Phan Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 02/11/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, bà N là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- **Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Văn H và bà Phan Thị N kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh T, phù hợp quy định của pháp luật nên được

công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 04 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông H trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cải vã, không hợp nhau; bà N trình bày là do ông H thường xuyên uống rượu, hay đe dọa và có người khác. Ông H và bà N sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, mỗi người sống riêng, không hàn gắn được tình cảm. Ông H vẫn giữ yêu cầu được ly hôn; bà N không đồng ý ly hôn vì bà không có lỗi và vợ chồng khó có thể hàn gắn lại được tình cảm. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa ông H và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà N là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn H và bà Phan Thị N khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Trần Văn H.

2. Ông Trần Văn H được ly hôn với bà Phan Thị N.

3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn H và bà Phan Thị N khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000445 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, ông H đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn H và bà Phan Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T (Số 87, quyển số 01, ngày 01/12/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương